

令和 5 年 3 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	29.8 t	7.55	3.0 cm	12.5 °C	
放流水量	29.6 t	7.67	50.0 cm	12.4 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	302 KWH	2,425 KWH	5.59 t	
日平均使用量	9.7 KWH	78.2 KWH	0.18 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	6台: 3.20t	18台: 36.84t	23台: 16.02t	2台: 6.27t	1台: 1.64t	
前月累計	79台: 38.93t	246台: 417.71t	312台: 192.20t	88台: 317.10t	15台: 34.51t	
年度計	85台: 42.13t	264台: 454.55t	335台: 208.22t	90台: 323.37t	16台: 36.15t	

小計	
月計	50台: 63.97 t
前月累計	740台: 1,000.45 t
年度計	790台: 1,064.42 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	50台: 63.97 t
前月累計	t	740台: 1,000.45 t
年度計	t	790台: 1,064.42 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	台	160 m ³
前月累計	201台	2,501 m ³
年度計	201台	2,661 m ³

項目	日
搬入日数	17
日平均搬入数量	3.76 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	83.60 t	74台	スケール分散剤	20.00 kg
5	106.51 t	98台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	95.12 t	77台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	87.74 t	69台	固形塩素剤	2.00 kg
8	86.58 t	71台	脱水助剤 104	kg
9	72.09 t	62台	脱水助剤 94b	kg
10	136.34 t	93台	アワゼロン	kg
11	114.60 t	67台	清缶剤	kg
12	102.87 t	61台	並塩	kg
1	52.66 t	35台	リン酸	kg
2	62.34 t	33台	保護マット	枚
3	63.97 t	50台	汚泥量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	1,064.42 t	790台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	4 °C	4 °C	1 °C
2	晴	1 °C	2 °C	-2 °C
3	晴	-1 °C	2 °C	-6 °C
4		°C	°C	°C
5		°C	°C	°C
6	晴	-2 °C	5 °C	-11 °C
7	晴	5 °C	9 °C	1 °C
8	曇	4 °C	5 °C	-2 °C
9	曇	1 °C	2 °C	-3 °C
10	雨	3 °C	5 °C	1 °C
11		°C	°C	°C
12		°C	°C	°C
13	雨	6 °C	7 °C	-4 °C
14	晴	4 °C	5 °C	-2 °C
15	晴	1 °C	4 °C	-5 °C
16	雨/曇	4 °C	5 °C	-1 °C
17	曇/晴	3 °C	5 °C	-2 °C
18		°C	°C	°C
19		°C	°C	°C
20	晴	5 °C	11 °C	-3 °C
21		°C	°C	°C
22	晴	7 °C	1 °C	-1 °C
23	曇	7 °C	11 °C	4 °C
24	曇/晴	5 °C	5 °C	2 °C
25		°C	°C	°C
26		°C	°C	°C
27	晴	5 °C	6 °C	-3 °C
28	晴	5 °C	10 °C	-3 °C
29	晴	4 °C	10 °C	-2 °C
30	晴	8 °C	12 °C	-1 °C
31	曇/雨	6 °C	11 °C	4 °C